

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 24-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Văn Sáng

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Hàm – Thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 12/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 06/02/2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2024/TB-TA ngày 07/6/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Văn M1; Sinh ngày 26/01/20XX tại Thị xã M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản N, xã L, thị xã M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T2, sinh năm 19XX và bà Khoảng Thị Tr, sinh năm 19XX; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Toà án kết tội lần nào; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/11/2023 đến ngày 12/3/2024 thì bỏ trốn khỏi nơi cư trú, bị truy nã từ ngày 01/4/2024 và chưa có kết quả truy nã. Vắng mặt.

- Bị hại: Ông Khoảng Văn T1, sinh năm 1962 và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1962; Cùng nơi cư trú: Bản M2, xã L, thị xã M, tỉnh Điện Biên. Ông T1, bà H có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lò Văn T2, sinh năm 1982 và chị Khoảng Thị Tr, sinh năm 1986; Cùng nơi cư trú: Bản N, xã L, thị xã M, tỉnh Điện Biên. Anh T2, chị Tr có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 24/9/2023, Lò Văn M1 đi bộ từ nhà ở Bản N, xã L, Thị xã M đến nhà bà Đoàn Thị H, ông Khoàng Văn T1 (là ông bà ngoại của M1) ở bản Mo, xã L, thị xã M, tỉnh Điện Biên để giúp bà H đập lúa rồi ngủ lại qua đêm. Khoảng 07 giờ ngày 25/9/2023 do bà H, ông T1 đi vắng nên Lò Văn M1 nảy sinh ý định trộm cắp tiền của bà H. Biết bà H cất chìa khoá tủ trong hộp kim chỉ đựng trong chiếc túi treo trên tường gần vị trí tủ lạnh nên M1 đã lấy chìa khoá mở tủ kệ ti vi để tìm tiền. Khi mở tủ ra, M1 thấy có tiền cuộn trong túi nilon màu trắng, đựng trong túi bìa hồ sơ màu trắng. M1 lấy cuộn tiền ra bàn uống nước ngồi đếm được 7.000.000 đồng tiền mặt gồm 14 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. M1 lấy toàn bộ số tiền, bỏ lại túi nilon trên bàn rồi đi bộ ra bắt xe khách đi thành phố Lai Châu và tiếp tục đón xe đi Hà Nội. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, mẹ đẻ của M1 là chị Khoàng Thị Tr gọi điện cho M1 báo bà H bị mất trộm tiền và M1 đã thừa nhận việc trộm cắp tiền, mục đích để đi Hà Nội làm thuê. Sau đó M1 đã chuyển lại số tiền 7.000.000 đồng vào số tài khoản của chị Tr để hoàn trả cho bà H. Ngày 26/9/2023, bố đẻ của M1 là anh Lò Văn T2 đã mang trả lại toàn bộ số tiền trên cho ông Khoàng Văn T1 theo yêu cầu của bà H.

Trong quá trình điều tra, Lò Văn M1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M, tỉnh Điện Biên đã thu giữ của Lò Văn M1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng màu đen, bên trong có sim số 0365806951; thu giữ của chị Khoàng Thị Tr 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu VSMART STAR5 bên trong có sim số 0966803581. Tuy nhiên đã làm rõ những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của Lò Văn M1 nên đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Bản Cáo trạng số 02/CT-VKSML ngày 10/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên truy tố Lò Văn M1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự.

Ngày 16/02/2024 bà Đoàn Thị H đã có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lò Văn M1.

Tại phiên tòa:

Bà Đoàn Thị H và ông Khoàng Văn T1 cùng có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bà H, ông T1 đã nhận lại toàn bộ số tiền bị mất, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 , điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự xử phạt bị cáo với mức hình phạt tù từ 01(một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

- Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

-Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Bị hại Khoảng Văn T1 và Đoàn Thị H nhất trí với Cáo trạng, Luận tội và không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Khoảng Thị Tr và anh Lò Văn T2 cùng có ý kiến: Anh, chị không biết việc bị cáo Lò Văn M1 đến nhà bà ngoại trộm cắp tiền. Sau khi phát hiện Lò Văn M1 trộm tiền đã nhận chuyển khoản từ Lò Văn M1 và giúp M1 trả lại tiền cho bị hại. Chị Khoảng Thị Tr đã nhận lại chiếc điện thoại bị thu giữ, nên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xét xử vắng mặt bị cáo Lò Văn M1:

Bị cáo Lò Văn M1 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/11/2023. Ngày 20/02/2024 Tòa án mở phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng bị cáo vắng mặt vì lý do khách quan nên Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa, tổng đạt hợp lệ cho bị cáo. Đến ngày 12/3/2024 Tòa án mở phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị cáo vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã quyết định áp giải bị cáo đến phiên tòa. Tại biên bản làm việc ngày 12/3/2024 của Công an thị xã M, tỉnh Điện Biên xác định: Bị cáo Lò Văn M1 không có mặt tại nơi cư trú nên tổ công tác không thể áp giải để phục vụ công tác xét xử; bị cáo đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không nắm được.

Ngày 12/3/2024 do bị cáo Lò Văn M1 không có mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án số 01/2024/HSST-QĐ và công văn số 01/Cv-TA ngày 12/3/2024 yêu cầu Công an thị xã M, tỉnh Điện Biên truy nã bị can theo quy định pháp luật.

Ngày 01/4/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M tỉnh Điện Biên ra Quyết định truy nã số 98/QĐTN-CSĐT đối với Lò Văn M1. Ngày 03/6/2024 Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên nhận được Công văn số 38/CV-CATX ngày 31/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M, tỉnh Điện Biên cung cấp thông tin: Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M chưa bắt được bị cáo Lò Văn M1 theo Quyết định truy nã số 98/QĐTN-CSĐT ngày 01/4/2024.

Xét thấy: Bị cáo Lò Văn M1 bỏ trốn và việc truy nã không có kết quả, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên quyết định mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị cáo Lò Văn M1.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 07 giờ ngày 25/9/2023 lợi dụng sơ hở lúc bà H, ông T1 đi vắng nên Lò Văn M1 đã lén lút lấy chìa khoá mở tủ kệ ti vi lục lợi và chiếm đoạt số tiền 7.000.000 (*Bảy triệu*) đồng tiền của bà Đoàn Thị H và ông Khoàng Văn Tường, mục đích lấy tiền để tiêu sài cá nhân. Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của Lò Văn M1 đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ trộm cắp tài sản là trái pháp luật và phải chịu hình phạt nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã M truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo vi phạm nghĩa vụ và bỏ trốn. Do đó cần xử lý bị cáo với mức hình phạt thỏa đáng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo Lò Văn M1 có nhân thân tốt, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Toà án kết tội lần nào. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngay sau khi bị phát hiện đã tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền để khắc phục hậu quả; trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Hơn nữa, bị hại đã có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với Lò Văn M1. Đây là các tình tiết tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo:

Từ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng đã vi phạm nghĩa vụ của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bỏ trốn và đang bị truy nã đã gây khó khăn cho giai đoạn xét xử, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét thấy mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên có cơ sở chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ Luật hình sự thì: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Nhưng xét hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do nên không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã làm rõ và trả lại toàn bộ vật chứng cho chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ngay sau khi bị phát hiện, Bị cáo đã hoàn trả toàn bộ số tiền lấy trộm cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật hình sự;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136; Điểm a khoản 1 Điều 290; Các điều 331, điều 332, Điều 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn M1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3.Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/6/2024).

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA - TA Tỉnh DB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND thị xã M;
- Đội điều tra Công an thị xã M;
- Cơ quan THAHS CA thị xã M;
- Chi cục THA dân sự thị xã M;
- PC 10 (THAHS) CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã L, thị xã M;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ VA,KT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đao Thị Bích Thảo